TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2023
"*V/v Không công nhận là vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyển và bà Võ Thị Thanh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2023/HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "*Không công nhận là vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1975; Trú tại: Tổ 8, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm: 1974; Trú tại: Tổ 8, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông và bà Trần Thị V chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống thì chúng tôi có 03 con chung, cháu lớn tên Hoàng Thị A, sinh năm 1997, cháu thứ hai tên Hoàng Thị T, sinh năm 2004 và cháu thứ 3 là Hoàng Thị N, sinh năm 2006. Trong quá trình chung sống cùng nhau thì chúng tôi có tài sản chung và chúng tôi đã tự thỏa thuận chia nhau 05 năm về trước, không có vay mượn hay nợ ai tài sản gì khác.

Từ khi vợ chồng chung sống đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn sống ly thân nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường

xuyên cải vã nhau do mâu thuẫn về kinh tế và vay mượn tiền bạc, từ đó dẫn đến việc vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhau gay gắt, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống cùng nhau được nữa nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với bà V. Về con chung thì các cháu Ánh và Thảo đã trưởng thành, riêng cháu Nhiên hiện nay đang ở cùng mẹ nên tôi đồng ý để cháu sống cùng mẹ và đồng ý về mức cấp dưỡng mà bà V yêu cầu. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị V: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và các thông báo về phên hòa giải và công bố chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng bà V không hợp tác và không trình bày ý kiến của mình . Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; Xét về tố tụng đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:***

- Nguyên đơn ông Hoàng Văn T khởi kiện bà Trần Thị V về tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại tổ 08, Thị Trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bà Trần Thị V: Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các văn bản của Tòa án đều được tống đạt hợp lệ (Tống đạt trực tiếp) nhưng bà V không đến Tòa án làm việc nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Ông T và bà V tự nguyện chung sống từ năm 1997 đến nay, tuy đủ điều kiện để kết hôn nhưng ông T và bà V không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc với nhau đến năm 2017 thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn

là do không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau do mâu thuẫn về kinh tế và vay mượn tiền bạc, nên đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục nên ông T yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với bà V. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà V là hoàn toàn tự nguyên. Tuy nhiên, hôn nhân giữa ông T và bà V không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ giữa ông T và bà V không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa ông T và bà V là phù hợp.

[3]. ***Về con chung*****:** Đối với cháu Hoàng Thị A, sinh ngày: 19/12/1997 và cháu Hoàng Thị Thanh Thảo, sinh ngày 22/9/2004 hiện nay đã trên thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Hoàng Thị N, sinh ngày 27/5/2006 do bà V đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu có nguyện vọng được tiếp tục được ở với mẹ. Do đó, việc giao cháu Nhiên cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quy định của pháp luật.

[4]. ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** Ông T sẽ đồng ý với mức cấp dưỡng mà sau này bà V yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà V không hợp tác nên không có yêu cầu của mình, do đó không xem xét để giải quyết trong vụ án.

[5]. ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Ông T và bà V tự thoả thuận, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Ông T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị N, sinh ngày 27/5/2006 cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nhiên đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0001913 ngày 03/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- UBND Thị trấn Đức An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

TRẦN ĐÌNH MINH